

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/12/2022

V/v “*Tranh chấp Ly hôn, con  
chung*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Hoàng Văn Diễm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện VKSND huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2022 về việc “*Tranh chấp Ly hôn, con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2022 giữa các đương sự;

*-Nguyên đơn: Chị Vũ Thị A, sinh năm 1990 ( có mặt)*

*Nơi ở: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang*

*-Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1985 ( vắng mặt)*

*Nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang H ngày 06/4/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang, kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay và ở chung nhà chồng. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng bình thường, sau đó đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Hưng ghi ngờ tình cảm của chị. Mâu thuẫn đã được vợ chồng và gia đình 2 bên khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống.

Trong thời gian chị ở nhà bố mẹ đẻ thì anh Hưng có gọi về đoàn tụ nhưng chị không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Hưng.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Việt Hoàn, sinh ngày 12/12/2012; cháu Nguyễn Vũ Quang Khải, sinh ngày 28/02/2014. Từ ngày chị về nhà bố mẹ đẻ ở, cả 2 con chung đang ở với anh Hưng, sức khỏe các cháu phát triển tốt, được chăm sóc tốt. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu Nguyễn Vũ Quang Khải, sinh ngày 28/02/2014, còn anh Hưng nuôi cháu Nguyễn Vũ Việt Hoàn, sinh ngày 12/12/2012. Vấn đề cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang làm nghề công nhân, thu nhập hàng tháng 7.000.000 đồng, chị xác định đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để nuôi con chung.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị Ái có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình xin ly hôn anh Hưng; con chung chị xin được nuôi cháu Nguyễn Vũ Quang Khải, sinh ngày 28/02/2014; Anh Hưng nuôi cháu Nguyễn Vũ Việt Hoàn, sinh ngày 12/12/2012; về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Nguyễn Quang H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ái kết hôn năm 2012, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, sau khi kết hôn thì anh chị về chung sống với nhau ngay và ở cùng với bố mẹ. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì, tháng 7 năm 2022 chị Ái bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, lý do chị Ái về nhà bố mẹ đẻ ở là do chị Ái xin về nhưng anh nói chị dọn dẹp nhà cửa xong thì đi, sau đó hai bên có lời qua tiếng lại. Khi chị Ái về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh có xuống nói chuyện để chị Ái về, bố mẹ chị Ái cũng động viên chị Ái về nhưng chị Ái không về. Nay chị Ái có đơn xin ly hôn thì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị Ái trình bày là đúng. Từ khi chị Ái về nhà bố mẹ đẻ ở thì có về thăm con và mua đồ cho con. Nếu phải ly hôn thì anh xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị Ái cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Hưng vắng mặt

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị A được ly hôn anh Nguyễn Quang H.  
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Việt Hoàn, sinh ngày 12/12/2012 cho anh Hưng tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Vũ Quang Khải, sinh ngày 28/02/2014 cho chị Ái trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng các bên không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị Ái, anh Hưng không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ái phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Ngày 13 tháng 10 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị A xin ly hôn anh Nguyễn Quang H có nơi cư trú tại thôn C, xã M, huyện H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Quang H vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Hưng là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị A và anh Nguyễn Quang H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Qua xác minh tại địa phương và căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử, xét thấy chị Ái, anh Hưng sau khi về chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, nguyên nhân do hai bên không tin tưởng nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian chị Ái về nhà bố mẹ sinh sống, anh Hưng có đến nói chuyện về đoàn tụ nhưng chị Ái không về. Nay chị Ái xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, anh Hưng xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh Hưng không đến Tòa án làm việc cũng như không có biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung của chị Ái và anh Hưng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu

ly hôn của chị Ái là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Vũ Thị A và anh Nguyễn Quang H có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Việt Hoàn, sinh ngày 12/12/2012; cháu Nguyễn Vũ Quang Khải, sinh ngày 28/02/2014. Thời gian chị Ái và anh Hưng còn chung sống thì cả hai con chung ở với chị Ái và anh Hưng, từ tháng 8 năm 2022 thì chị Ái về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì cả 02 con chung đang ở với anh Hưng. Khi chị Ái về nhà bố mẹ đẻ ở thì vẫn quan tâm và mua đồ cho các con. Để cả hai bên đều có trách nhiệm với con chung và xét theo nguyện vọng được nuôi con của chị Ái và anh Hưng, nên cần giao cháu Nguyễn Vũ Việt Hoàn, sinh ngày 12/12/2012 cho anh Hưng tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Vũ Quang Khải, sinh ngày 28/02/2014 cho chị Ái trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ái, anh Hưng không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ái, anh Hưng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5; khoản 6 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị A được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Việt Hoàn, sinh ngày 12/12/2012 cho anh Hưng tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Vũ Quang Khải, sinh ngày 28/02/2014 cho chị Ái trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng các bên không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ái, anh Hưng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

4. Về án phí: Chị Vũ Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008354 ngày 13/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Ái đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Sự**



